

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.3</b>	Chủ đầu tư: Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan. + Địa chỉ: số 9, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội. + E-mail: <a href="mailto:phongqlda2@customs.gov.vn">phongqlda2@customs.gov.vn</a> + Điện thoại: 84-4-39 440 833 + Fax: 84-4-39 440 631
<b>E-ĐKC 1.5</b>	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Trung tâm dữ liệu Hải quan, số 9, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội.
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Nhà thầu: _____ [ <i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i> ].
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Các phụ lục hợp đồng được bổ sung (nếu có).
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan. - Địa chỉ: số 9, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội. - Điện thoại: 84-4-39 440 833 - Fax: 84-4-39 440 631 - Địa chỉ email: <a href="mailto:phongqlda2@customs.gov.vn">phongqlda2@customs.gov.vn</a>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 45 ngày. Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài hơn quy định thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm hai bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể hợp đồng.
<b>E-ĐKC 6.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 6.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 6.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có.
<b>E-ĐKC 10.1</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
<b>E-ĐKC 10.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 11</b>	Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
<b>E-ĐKC 12.1</b>	Tạm ứng: Không tạm ứng.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</p> <p>+ Nguyên tắc thanh toán: Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng công việc thực tế nhà thầu đã thực hiện và được chủ đầu tư nghiệm thu.</p> <p>+ Lịch thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu thành các đợt cụ thể như sau:</p> <p>(i) <b>Lần 1</b>: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 1 (03 tháng đầu tiên của năm thứ 1 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 1 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>+ Hóa đơn tài chính lần 1 (tương ứng với giá trị thanh toán).</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 1 thực tế</p>

hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 1 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

**(ii) Lần 2:** Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 2 (03 tháng tiếp theo của năm thứ 1 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 2 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 2 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 2 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 2 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

**(iii) Lần 3:** Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 3 (03 tháng tiếp theo của năm thứ 1 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 3 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán

trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 3 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 3 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 3 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

**(iv) Lần 4:** Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 4 (03 tháng cuối cùng của năm thứ 1 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 4 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 4 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 4 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 4 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

**(v) Lần 5:** Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp

đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 5 (03 tháng đầu tiên của năm thứ 2 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 5 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 5 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 5 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 5 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

(vi) **Lần 6**: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 6 (03 tháng tiếp theo của năm thứ 2 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 6 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 6 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 6 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 6 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

(vi) **Lần 7**: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 7 (03 tháng tiếp theo của năm thứ 2 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 7 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 7 (tương ứng với giá trị thanh toán).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 7 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 7 của nhà thầu.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).

+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.

(viii) **Lần 8**: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu tối đa 12,5% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu thực hiện xong dịch vụ đợt 8 (03 tháng cuối của năm thứ 2 cung cấp dịch vụ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Hồ sơ thanh toán bao gồm:

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán lần 8 của nhà thầu trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

+ Hóa đơn tài chính lần 8 (tương ứng với giá trị thanh toán).

	<p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc dịch vụ đợt 8 thực tế hoàn thành có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của nhà thầu và của chủ đầu tư.</p> <p>+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng.</p> <p>+ Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dịch vụ đợt 8 của nhà thầu.</p> <p>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu số 08a theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020).</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu tổng thể hợp đồng.</p> <p>+ Biên bản thanh lý hợp đồng.</p> <p>+ Các thỏa thuận cụ thể khác khi thương thảo hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 13.2</b></p>	<p>Giảm trừ thanh toán: Có áp dụng</p> <p>Giảm trừ 0,5%/ ngày đối với giá trị công việc được xác định do lỗi của nhà thầu dẫn đến không đáp ứng yêu cầu về tiến độ cung cấp dịch vụ hoặc không đáp ứng yêu cầu về chất lượng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng. Mức khấu trừ tối đa: 8% giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 15</b></p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,5%/ngày giá trị công việc chậm thực hiện cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p>

	- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
<b>E-ĐKC 17.1(c)</b>	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Thỏa thuận cụ thể khi thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.
<b>E-ĐKC 17.4</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18 (e)</b>	Các trường hợp khác: Thỏa thuận cụ thể khi thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.
<b>E-ĐKC 20.1</b>	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo quy định tại mục 3 Chương V của E-HSMT và thỏa thuận cụ thể khác (nếu có) khi thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 05 ngày.
<b>E-ĐKC 21.2</b>	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 22.2</b>	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 05 ngày - Giải quyết tranh chấp: Sau 05 ngày hòa giải, nếu không đạt được thỏa thuận thì đến Tòa án kinh tế Hà Nội để giải quyết, bên nào sai thì bên đó phải chịu hết mọi chi phí.